

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 509/2026/HS-ST
Ngày: 24-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Nam.

2/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn.

3/ Ông Đặng Phi Công.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 514/2026/HSST ngày 28/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4316/2026/QĐXXST-HS ngày 07/7/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức H**; sinh năm 2002 tại tỉnh Thanh Hoá; nơi thường trú: thôn Đ, xã X, huyện T (nay là xã S), tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nhân viên quản lý kho; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H1 và bà Bùi Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa:

Ông Huỳnh Anh T1, Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Huỳnh. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn R.

Trụ sở: khu phố Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông Lu Chin C (quốc tịch: Đài Loan), chức vụ: Tổng giám đốc, là đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Phan Thị Diễm L, sinh năm 1983; nơi cư trú: 645/12, tổ E, Khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2025) (Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1976; nơi cư trú: đường D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Bà Hồ Há M, sinh năm 1979; nơi cư trú: khu dân cư H, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Ông Dương Văn H3, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu phố Đ, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4/ Ông Trịnh Văn L1, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

5/ Ông Danh Thanh M1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Nhà T, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

6/ Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1980 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1980; cùng trú tại: thôn Đ, xã S, tỉnh Thanh Hóa. (Đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn R (viết tắt là Công ty R) có địa chỉ tại khu phố Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700422115, ngày 16/4/2002. Do ông Lu Chin C, quốc tịch Đài Loan giữ chức vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

Nguyễn Đức H là nhân viên quản lý kho của Công ty R từ năm 2022 đến năm 2024, theo Hợp đồng lao động số R063024/2024 ngày 01/4/2024 của Công ty R, chức vụ: nhân viên quản lý kho. Quá trình làm việc tại Công ty R, H được giao nhiệm vụ: quản lý kho bao bì, kho ván gỗ (ván ép, ván thanh); xuất nguyên liệu cho các bộ phận sản xuất tại Công ty R; nhập nguyên liệu từ nhà cung ứng vào kho của Công ty R và xuất trả lại nguyên liệu cho nhà cung ứng. Đối với việc xuất trả lại hàng cho nhà cung ứng thì H được Công ty R giao nhiệm vụ là người lập sổ sách, lập phiếu xuất hàng và thông báo trên hệ thống quản lý của Công ty R, đồng thời Huỳnh trực tiếp giao trả hàng cho nhà cung ứng và giao phiếu “Hàng rời xưởng” cho tài xế đến nhận hàng để giao cho bảo vệ của Công ty R làm thủ tục ra cổng khi phương tiện chở hàng rời khỏi Công ty R.

Việc nhập – xuất hàng nguyên liệu được Công ty R thực hiện như sau:

+ Đối với việc nhập kho nguyên liệu: khi xe ô tô tải của đơn vị cung ứng đến giao nguyên liệu (gỗ ván ép) cho Công ty R thì H sẽ trực tiếp kiểm tra số lượng hàng hóa, sau đó bộ phận kiểm tra chất lượng (bộ phận QC) của Công ty R

kiểm tra chất lượng hàng hóa, nếu hàng hóa đạt chất lượng thì H sẽ nhập hàng hóa vào kho nguyên liệu, nếu hàng hóa không đạt chất lượng thì H sẽ lập thủ tục xuất trả lại hàng cho đơn vị cung cấp.

+ Đối với việc xuất trả lại hàng nguyên liệu: hàng nguyên liệu Công ty R trả lại cho đơn vị cung cấp được Huỳnh lập phiếu “Hàng rời xưởng” để xuất trả, phiếu “Hàng rời xưởng” gồm 03 liên (Liên 1 là bản gốc, L2 2 và L2 3 là bản in than), trên phiếu thể hiện số lượng, chủng loại hàng hóa xuất trả. Sau khi lập phiếu, Huỳnh trình phiếu “Hàng rời xưởng” cho từng cấp duyệt theo trình tự: bà Hồ Há M - Phó Giám đốc Quản lý kho nguyên liệu là cấp trên trực tiếp của H và ông Lu Chin C - Tổng Giám đốc Công ty R ký xác nhận trên phiếu. Huỳnh ghi vào phiếu “Hàng rời xưởng” thông tin biển số xe ô tô tải của đơn vị cung ứng đến nhận hàng trả về và H đưa phiếu cho tài xế ký xác nhận. Sau đó, Huỳnh giữ lại Liên 1 để Công ty R theo dõi, L2 2 và L2 3 Huỳnh giao cho tài xế để khi ra công tài xế giao Liên 2 cho bảo vệ Công ty R kiểm tra (bảo vệ công giữ lại L2 2), còn tài xế giữ Liên 3 để vận chuyển hàng sau khi xe rời khỏi Công ty R.

Trường hợp nguyên liệu nhập kho sau khi bộ phận QC kiểm tra không đạt chất lượng, Huỳnh lập phiếu “Hàng rời xưởng” đưa Bộ phận Quản lý kho, ông Lu Chin C ký duyệt trả lại hàng cho đơn vị cung cấp nhưng sau đó các chuyên gia người nước ngoài thẩm định lại xác định nguyên liệu vẫn sử dụng được thì chuyên gia sẽ đóng dấu hủy trên phiếu “Hàng rời xưởng” đã được phê duyệt (không trả lại hàng cho đơn vị cung ứng).

Hành vi phạm tội của Nguyễn Đức H:

Theo quy định của Công ty R, sau khi bộ phận QC kiểm tra hàng không đạt chất lượng, có trường hợp các chuyên gia xem xét thấy nguyên liệu còn sử dụng được, không cần phải trả lại cho nhà cung ứng thì sẽ được Công ty R tiếp tục sử dụng và theo quy định khi xác định hàng sử dụng được thì chuyên gia đóng dấu hủy (cancel) lên phiếu “Hàng rời xưởng” và đưa cho H quản lý. Tuy nhiên, do thiếu sót một số chuyên gia đã quên không đóng dấu hủy lên phiếu “Hàng rời xưởng”, Huỳnh lén lấy và giữ phiếu “Hàng rời xưởng” trên để sử dụng cho mục đích cá nhân của mình.

Do cần tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt ván ép của Công ty R để bán ra bên ngoài thông qua việc sử dụng các phiếu “Hàng rời xưởng” trên. Khoảng cuối tháng 10/2024, thông qua mạng xã hội Facebook, Huỳnh tìm người có nhu cầu mua ván ép và biết Danh Thanh M1 đang có nhu cầu mua ván ép nên đã liên hệ, giới thiệu M1 biết Công ty R có hàng ván ép bị lỗi không đủ điều kiện xuất khẩu và H được Công ty R giao nhiệm vụ tìm khách hàng để bán số ván ép bị lỗi này, đồng thời Huỳnh dẫn Minh vào kho của Công ty R xem hàng. Sau khi xem hàng thì M1 đồng ý mua số ván ép của Công ty R do H trực tiếp bán.

Từ ngày 26/10/2024 đến ngày 16/02/2025, H đã chiếm đoạt 11.342 tấm (tương đương 416,18m³) của Công ty R bán cho M1 với giá 1.127.000.000 đồng. Khi giao hàng cho M1, H hướng dẫn xe ô tô đầu kéo biển số 61C-459.47 kéo rơ moóc biển số 34R-012.59 do M1 thuê di chuyển vào kho hàng của Công ty R, H

là người trực tiếp điều khiển xe nâng của Công ty R nâng ván ép được đóng bằng balet lên xe, sau đó H giao phiếu “Hàng rời xưởng” do H chuẩn bị sẵn cho tài xế để đưa hàng ra khỏi Công ty R. M1 thanh toán tiền mua ván ép cho H bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản số 107875782019 của Huỳnh mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: sau khi thống nhất bán 1.000 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm (tương đương 40m³) của Công ty R cho M1 với giá 102.000.000 đồng, H sử dụng phiếu “Hàng rời xưởng” ngày 26/10/2024 có mã số 0058215 được sử dụng để xuất trả 210 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm trước đây của Công ty R, sửa lại số lượng xuất trả là 1.000 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm và đưa cho tài xế ô tô đầu kéo vận chuyển 1.000 tấm ván ép ra khỏi Công ty R. Ngày 27/10/2024, M1 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 102.000.000 đồng vào tài khoản của H.

- Lần thứ hai: sau khi thống nhất bán 1.000 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm (tương đương 40m³) của Công ty R cho M1 với giá 105.000.000 đồng, ngày 04/11/2024, H sử dụng phiếu “Hàng rời xưởng” ngày 4/11/2024 có mã số 0058159 được sử dụng để xuất trả ván ép loại 12*1220*2440mm (không nhớ số lượng) trước đây của Công ty R, sửa lại nội dung xuất trả là 1.000 tấm loại 12*1220*2440mm để giao cho tài xế ô tô đầu kéo vận chuyển 1.000 tấm ván ép ra khỏi Công ty R. Ngày 04/11/2024, M1 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 105.000.000 đồng vào tài khoản của H.

- Lần thứ ba: sau khi thống nhất bán 1.600 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm và loại 12*1220*2440mm (tương đương 58m³) của Công ty R cho M1 với giá 150.000.000 đồng, H đã sử dụng phiếu “Hàng rời xưởng” có mã số 0014930 được sử dụng để xuất trả 20 lõi nhựa không đạt chất lượng trước đây của Công ty R, sửa nội dung lại thành xuất trả 600 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm và 1.000 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm giao cho tài xế ô tô đầu kéo vận chuyển 1.600 tấm ván ép ra khỏi Công ty R. Ngày 26/11/2024, M1 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản của H.

- Lần thứ tư: sau khi thống nhất bán 1.512 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm (tương đương 60,48m³) của Công ty R cho M1 với giá 130.000.000 đồng, ngày 05/12/2024, H đã sử dụng phiếu “Hàng rời xưởng” có mã số 0055006 được sử dụng để xuất trả 223 tấm ván thanh có kích thước 30x40x2500mm trước đây của Công ty R, sửa nội dung lại thành xuất trả 1.512 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm giao cho tài xế ô tô đầu kéo để vận chuyển 1.512 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm ra khỏi công ty R. Ngày 05/12/2024, M1 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 130.000.000 đồng vào tài khoản của H.

- Lần thứ năm: sau khi thống nhất bán 1.700 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm và loại 9*1220*2440mm (tương đương 65m³) của Công ty R cho M1 với giá 150.000.000 đồng. Ngày 28/12/2024, H đã sử dụng phiếu “Hàng rời xưởng” có mã số 0058171 được sử dụng để xuất trả 300 ván ép loại 12*1220*2440mm trước đây của Công ty R, sửa nội dung lại thành xuất trả 1.400

tấm ván ép loại 12*1220*2440mm và 300 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm giao cho tài xế ô tô đầu kéo để vận chuyển 1.400 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm và 300 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm ra khỏi công ty R. Ngày 28/12/2024, M1 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản của H.

- Lần thứ sáu: sau khi thống nhất bán 1.500 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm (tương đương 45m³) của Công ty R cho M1 với giá là 170.000.000 đồng. Ngày 22/01/2025, H đã sử dụng phiếu “Hàng rời xưởng” (không nhớ mã số, đặc điểm hàng trả) trước đây của Công ty R để giao cho tài xế ô tô đầu kéo để vận chuyển 1.500 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm ra khỏi Công ty R. Ngày 22/01/2025, M1 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 170.000.000 đồng vào tài khoản của H.

- Lần thứ bảy: sau khi thống nhất bán 680 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm (tương đương 67,2m³) của Công ty R bán cho M1 với giá là 170.000.000 đồng. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 16/02/2025, H sử dụng phiếu “Hàng rời xưởng” có mã số 0060062 được sử dụng để xuất trả ván ép loại 12*1220*2440mm (không nhớ số lượng) trước đây của Công ty R giao cho tài xế ô tô đầu kéo vận chuyển 1.680 tấm ván ép loại 12*1220*2440mm (tương đương 67,2 mét khối) ra khỏi Công ty R. Ngày 16/02/2025, M1 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 170.000.000 đồng vào tài khoản của H.

- Lần thứ tám: sau khi thống nhất bán 1.350 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm (tương đương 40,5m³) của Công ty R cho M1 với giá là 150.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ ngày 16/02/2025, H sử dụng phiếu “Hàng rời xưởng” có mã số 0060061 được sử dụng để xuất trả ván ép loại 9*1220*2440mm (không nhớ số lượng) trước đây của Công ty R giao cho tài xế ô tô đầu kéo để vận chuyển 1.350 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm vận chuyển 1.350 tấm ván ép loại 9*1220*2440mm ra khỏi Công ty R. Ngày 16/02/2025, M1 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản của H.

Kết quả điều tra xác định:

Nguyễn Đức H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án nêu trên.

Danh Thanh M1 khai: năm 2024, M1 có đăng thông tin quảng cáo (kèm theo số điện thoại của M1) mua bán ván ép trên mạng xã hội Facebook. Khoảng tháng 10/2024, Nguyễn Đức H liên hệ M1 và giới thiệu H là nhân viên Công ty R, Công ty R đang cần bán ván ép bị lỗi không xuất khẩu được và H chào bán ván ép cho M1, đồng thời M1 được H dẫn vào kho hàng của Công ty R xem hàng. Tin tưởng Huỳnh nói thật nên sau khi xem hàng và thống nhất giá cả mua bán, M1 đã 08 lần mua ván ép của Công ty R tại kho hàng của Công ty R do Huỳnh bán và được H cung cấp phiếu “Hàng rời xưởng” có chữ ký xác nhận của Giám đốc Công ty R, tổng số ván ép M1 đã mua từ Huỳnh 11.342 tấm ván ép các loại (gồm 02 loại ván ép kích thước 9*1220*2440mm và 12*1220*2440mm nhưng M1 không nhớ số lượng cụ thể từng loại) với số tiền 1.127.000.000 đồng, số tiền mua

ván ép được M1 thanh toán bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản của M1 vào tài khoản của H.

Toàn bộ 11.342 tấm ván ép trên, M1 đã bán hết cho khách hàng (không rõ lai lịch).

Kết quả trưng cầu giám định, trích xuất dữ liệu:

Ngày 22/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định trưng cầu Phòng K Công an Thành phố H giám định, trích xuất dữ liệu điện tử có trong 01 điện thoại di động IPHONE, số seri: K7GD7J7N52U, 01 (một) USB nhãn hiệu ADATA 64GB. Ứng dụng Z có tài khoản đăng nhập tên “Nguyễn Đức H (số ID 268414683)” và ba trăm lẻ ba (303) tin nhắn giữa tài khoản “Nguyễn Đức H (số I)” với tài khoản “Minhthanh”. Dữ liệu USB chứa 12 tập tin Video, được trích xuất thành hai khung hình (có phụ lục kèm theo).

Kết quả trích xuất dữ liệu điện thoại của bị can H, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được dữ liệu thể hiện H bàn bạc, thỏa thuận với M1 để chiếm đoạt tài sản của Công ty R và không thu thập được dữ liệu thể hiện M1 biết rõ ván ép H bán cho M1 là tài sản của Công ty R do H chiếm đoạt mà có.

Kết quả định giá:

Ngày 30/10/2025, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương (nay là Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố) có Kết luận định giá tài sản Số 11169/KL-HĐĐGTS xác định giá trị 1.980 tấm ván ép kích thước 9*1220*2440mm (tương đương 59,4m³) và 7.214 tấm ván ép kích thước 12*1220*2440mm (tương đương 288,56m³) của Công ty R bị chiếm đoạt nêu trên trị giá **1.983.372.000 đồng**. 2148 tấm ván ép (trong đó có 1.770 tấm ván ép kích thước 9*1220*2440mm – tương đương 53,1 m³ và 378 tấm ván ép kích thước 12*1220*2440mm – tương đương 15,12m³) của Công ty R bị chiếm đoạt có giá **388.854.000 đồng**.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Đức H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp lời khai bị hại, nội dung tin nhắn cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* **Vật chứng:** 01 (Một) điện thoại di động Iphone 16 Promax đã qua sử dụng, số sê-ri: K7GD7J7N52, số I: 35 992229 014268 8, không kiểm tra tình trạng hoạt động (thu giữ của Nguyễn Đức H).

* **Về dân sự:** Ông Nguyễn Văn H4 và bà Bùi Thị T (cha và mẹ ruột của Nguyễn Đức H) đã tự nguyện nộp số tiền 920.000.000 đồng cho Công ty R để khắc phục hậu quả thay cho Nguyễn Đức Huỳnh. Danh Thanh M1 đã nộp số tiền 250.000.000 đồng cho Công ty R để khắc phục hậu quả thay cho Nguyễn Đức Huỳnh. Công ty R đã nhận được tổng cộng số tiền 1.170.000.000 đồng và không yêu cầu Nguyễn Đức H bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại cho Công ty R.

Tại bản Cáo trạng số 952/CT-VKS-P3 ngày 20 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về

tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu tại Bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, vai trò, hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra cũng như đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự như nội dung bản Cáo trạng. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 20 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại thu giữ của bị cáo.

Luật sư Huỳnh Anh T1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H như sau: Luật sư không đồng ý tội danh mà Cáo trạng truy tố đối với bị cáo, mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chỉ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Bởi lẽ, bị cáo không có quyền tác động đến Bộ phận QC hay chuyên gia, không thể tự mình tạo ra giấy tờ xuất xưởng mà việc bị cáo xuất hay nhập hàng đều phải thông qua cấp trên của bị cáo. Việc bị cáo sửa các thông tin trên các phiếu xuất hàng rời xưởng và nhận tiền vào tài khoản cá nhân là các hành vi lén lút, không công khai nên hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra, cần xem xét lại việc định giá tài sản do hàng hóa bị chiếm đoạt gồm hàng lỗi và hàng không lỗi. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho Công ty và Công ty không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác. Bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức H đồng ý một phần với lời bào chữa của Luật sư và tự bào chữa như sau: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhưng bị cáo không biết hành vi của bị cáo có phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” như Luật sư bào chữa hay không.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp như sau: Bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn là nhân viên quản lý kho, có thủ đoạn lấy các phiếu “Hàng rời xưởng” do một số chuyên gia quên không đóng dấu hủy (Cancel), sau đó sửa lại thông tin loại, số lượng ván ép, rồi 08 lần bán cho Danh Thanh M1 11.342 tấm (tương đương 416,18m³), hưởng lợi số tiền 1.127.000.000 đồng nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tài sản của Công ty để bán cho D Thanh Minh nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát và Luật sư đều bảo lưu quan điểm và không tranh luận nội dung nào khác.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, các bị cáo, bị hại đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, dữ liệu trích xuất điện thoại, kết quả sao kê tài khoản ngân hàng cùng các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Đức H là nhân viên quản lý kho của Công ty R từ năm 2022 đến năm 2024 theo Hợp đồng lao động số R063024/2024 ngày 01/4/2024 của Công ty R. Quá trình làm việc tại Công ty R, H được giao nhiệm vụ quản lý kho bao bì, kho ván gỗ (ván ép, ván thanh); xuất nguyên liệu cho các bộ phận sản xuất tại Công ty R; nhập nguyên liệu từ nhà cung ứng vào kho của Công ty R và xuất trả lại nguyên liệu cho nhà cung ứng. Đối với việc xuất trả lại hàng cho nhà cung ứng thì H được Công ty R giao nhiệm vụ là người lập sổ sách, lập phiếu xuất hàng và thông báo trên hệ thống quản lý của Công ty R, đồng thời Huỳnh trực tiếp giao trả hàng cho nhà cung ứng và giao phiếu “Hàng rời xưởng” cho tài xế đến nhận hàng để giao cho bảo vệ của Công ty R làm thủ tục ra cổng khi phương tiện chở hàng rời khỏi Công ty R. Theo quy định của Công ty R, sau khi bộ phận QC kiểm tra hàng không đạt chất lượng, có trường hợp các chuyên gia xem xét thấy nguyên liệu còn sử dụng được, không cần phải trả lại cho nhà cung ứng thì sẽ được Công ty R tiếp tục sử dụng và theo quy định khi xác định hàng sử dụng được thì chuyên gia đóng dấu hủy (cancel) lên phiếu “Hàng rời xưởng” và đưa cho H quản lý.

[2.2] Lợi dụng chức vụ, quyền hạn là nhân viên quản lý kho có trách nhiệm quản lý số ván ép của Công ty R, từ ngày 26/10/2024 đến ngày 16/02/2025, bị cáo Nguyễn Đức H đã lén lấy các phiếu “Hàng rời xương” do một số chuyên gia quên không đóng dấu hủy (Cancel) hoặc phiếu “Hàng rời xương” liên lưu do bị cáo giữ, sau đó sửa lại thông tin loại, số lượng ván ép, rồi 08 lần bán cho Danh Thanh M1 11.342 tấm (tương đương 416,18m³), hưởng lợi số tiền 1.127.000.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 11169/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương (nay là Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố) xác định tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.372.226.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Lập luận trên đây cũng là căn cứ để không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư về việc bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về điều luật áp dụng:

Hội đồng xét xử xét thấy tội “Tham ô tài sản” quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có quy định hình phạt cao nhất là tử hình, nặng hơn so với tội “Tham ô tài sản” quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 có hình phạt tù cao nhất là tù chung thân. Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cần áp dụng Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025, để xét xử đối với bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của doanh nghiệp. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Trường hợp tình tiết định khung đồng thời là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự mà không cùng một khoản định khung của điều luật thì áp dụng tình tiết định khung cao nhất và các tình tiết còn lại không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự”*. Xét, mặc dù hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên,

nhưng bị cáo bị truy tố về tội “Tham ô tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật hình sự là tình tiết định khung ở khoản cao hơn nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; đã tác động gia đình và được ông Danh Thanh M1 bồi thường cho Công ty TNHH R số tiền 1.170.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội thì bị cáo đã ra đầu thú; đại diện Công ty TNHH R và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5.3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự.

[6] Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, công việc nhất định đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Văn H4 và bà Bùi Thị T là cha và mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Đức H đã tự nguyện nộp số tiền 920.000.000 đồng cho Công ty R để khắc phục hậu quả thay cho Nguyễn Đức Huỳnh . Danh Thanh M1 đã nộp số tiền 250.000.000 đồng cho Công ty R để khắc phục hậu quả thay cho Nguyễn Đức Huỳnh . Công ty R đã nhận được tổng cộng số tiền 1.170.000.000 đồng và không yêu cầu Nguyễn Đức H bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại cho Công ty R nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) điện thoại di động Iphone 16 Promax đã qua sử dụng, số sê-ri: K7GD7J7N52, số I: 35 992229 014268 8, không kiểm tra tình trạng hoạt động (thu giữ của Nguyễn Đức H) là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

[9] Lập luận trên đây cũng là căn cứ chấp nhận và không chấp nhận quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát cũng như luận cứ bào chữa của luật sư và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa.

[10] Đối với các vấn đề khác:

[10.1] Đối với Danh Thanh M1 là người mua số ván ép trên của H nhưng không biết số ván ép trên do H phạm tội mà có, quá trình mua bán giữa M1 và H được thực hiện công khai tại Công ty R, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý hình sự đối với Danh Thanh M1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.2] Đối với các ông bà Nguyễn Thị H2, Dương Văn H3, Hồ Há M và Trịnh Văn L1 là các nhân viên của Công ty R, quá trình điều tra xác định các cá nhân trên không biết việc H thực hiện hành vi chiếm đoạt số ván ép của Công ty, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xem xét xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2025.

Xử phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc quản lý kho trong thời hạn 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động Iphone 16 Promax đã qua sử dụng, số sê-ri: K7GD7J7N52, số Imei: 35 992229 014268 8, không kiểm tra tình trạng hoạt động (thu giữ của Nguyễn Đức H).

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận;

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam Bồ Lá (CS 2); (1)
- Bị cáo; (1)
- THADS TPHCM; (1)
- Đường sự; (7)
- Luật sư; (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (27) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Giang